

Số: 163/2025/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ
GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: bà Huỳnh Thanh Duyên
Các Thẩm phán: ông Hà Huy Cầu
ông Phan Đức Phương

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ dân sự sơ thẩm số 721/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào các Điều 48, 152; điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 5 Lô H, C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Anh Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số A Quốc lộ A, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1935.

3. Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1932.

Địa chỉ: 1 Hồ V, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 5 N, xã B, H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1982.

6. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Số A Quốc lộ A, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 5 T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H.

Địa chỉ: F L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh T2.

Địa chỉ: G Tỉnh lộ 8, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 15 tháng 11 năm 2024, nguyên đơn là bà Trần Thị H kháng cáo toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ dân sự sơ thẩm số 721/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ dân sự nêu trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

XÉT THẤY:

[1] Theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xác định địa chỉ của người bị kiện như sau:

Điều 5. Về địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

“3. Địa chỉ “nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quy định tại điểm đ, e khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là địa chỉ người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từng cư trú, làm việc hoặc có trụ sở mà người khởi kiện biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh.

Điều 6. Xử lý việc ghi địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và

Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

...

c) Trường hợp không thuộc điểm a, b khoản 2 Điều này mà Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng nguyên đơn không cung cấp được thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án không xác định được địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trừ trường hợp hướng dẫn tại khoản 3 Điều này”.

[2] Hồ sơ thể hiện tại thời điểm thụ lý vụ án ngày 02/7/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ cho ông Phạm Văn H1 thông qua biên bản tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự do người thứ ba là bà Phạm Thị Thu cư T3 cùng nhà ông H1 nhận thay (bút lục số 8). Xét thấy, tại thời điểm thụ lý vụ án (năm 2018) thì Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt được cho bị đơn tại địa chỉ mà nguyên đơn ghi trong đơn khởi kiện. Điều này đồng nghĩa với việc nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xác định địa chỉ của người bị kiện và trường hợp này theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án không đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Mãi đến năm 2023 Tòa án cấp sơ thẩm mới tiến hành các thủ tục tổng đạt cho bị đơn tiếp theo, nhưng không tổng đạt được và đã tiến hành thu thập, xác minh địa chỉ mới của bị đơn theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng vẫn không xác định được thông qua các Công văn cung cấp thông tin cư trú của công dân ngày 01/5/2024 của Công an huyện H trả lời Công văn số 1487/TATP-TDS ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là ông Phạm Văn H1, sinh năm 1959, đăng ký thường trú tại địa chỉ: 5 N, xã B, huyện H ngày 08/10/1985. Từ ngày 12/11/2012 đến nay tách hộ tại địa chỉ: E N, xã B, huyện H. Tại Kết quả xác minh của Công an xã B, huyện H trả lời Công văn số 2777/TATP-TDS ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Phạm Văn H1, sinh năm 1959 có nơi thường trú tại E N, xã B, huyện H. Bán nhà từ tháng 10/2020 đến nay đi đâu không rõ.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các văn bản trả lời trên cho rằng nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ mới và Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập, xác minh địa chỉ mới của bị đơn theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng vẫn không xác định được. Nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 217 Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trên là không đúng như đã phân tích tại mục [2].

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Hồng N đề nghị của Viện kiểm sát. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 721/2024/QĐST-DS ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Trần Thị H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà Trần Thị H. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 721/2024/QĐST-DS ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Các đương sự; (15)
- Lưu VT (5), HS (2) (QĐ-Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Huỳnh Thanh Duyên